



CHÍNH SÁCH RUỘNG ĐẤT CỦA NHẬT BẢN TỪ GIỮA THẾ KỶ XVI ĐẾN KHI KẾT THÚC THỜI KỶ TOKUGAWA (1868)

Trần Thị Tâm

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế,

Tóm tắt. Cũng như nhiều quốc gia châu Á khác, từ xa xưa Nhật Bản luôn coi nông nghiệp là nền tảng của kinh tế quốc gia. Tuy vậy, khác với hầu hết các nước trong khu vực, Nhật Bản có rất ít đồng bằng châu thổ trù phú mà chủ yếu là những dải đất rộng ven biển hay các thung lũng hẹp nằm giữa các dãy núi. Do diện tích đất trồng trọt chỉ chiếm một tỉ lệ rất nhỏ; vì thế, điểm đáng chú ý trong nền nông nghiệp Nhật Bản thời phong kiến nói chung và thời Tokugawa nói riêng là đất canh tác có quy mô nhỏ nhưng lại nằm dưới quyền kiểm soát lớn của các daimyo và được người nông dân canh tác. Trong tiến trình phát triển kinh tế nông nghiệp, chính sách ruộng đất và sở hữu ruộng đất có tác động không nhỏ đến sự biến đổi trong nông thôn Nhật Bản. Bài viết này sẽ tìm hiểu chính sách ruộng đất của Nhật Bản trong thời Mạc phủ Tokugawa; đồng thời nêu lên những tác động của nó đối với sự phát triển kinh tế nông nghiệp Nhật Bản thời kỳ này.

Từ khóa. chính sách, ruộng đất, Nhật Bản thời phong kiến, Tokugawa

1. Chính sách ruộng đất của Nhật Bản từ giữa thế kỷ XVI đến cuối thế kỷ XVI

Từ cuối thế kỷ XV trở đi Nhật Bản bước vào thời kỳ Chiến Quốc (Shengoku) với nhiều cuộc chiến tranh liên miên nhằm tranh giành đất đai và quyền lực giữa các lãnh chúa. Cuộc chiến tranh này đã lan rộng khắp cả nước và những nỗ lực thống nhất đất nước, chỉ được bắt đầu từ Oda Nobunaga (1534–1582), được tiếp nối bởi Toyotomi Hideyoshi (1585–1591) và được Tokugawa Ieyasu (1543–1616) hoàn tất, sau đó lập ra chế độ Mạc phủ Tokugawa (1600–1868). Oda Nobunaga và Toyotomi Hideyoshi không chỉ đặt nền tảng cho sự nghiệp thống nhất, hai ông đã bước đầu đưa ra và thực hiện các chính sách ruộng đất nhất quán trong cả nước mà về sau chính quyền Tokugawa kế thừa hầu hết. Vào năm 1550, Nobunaga đã tiến hành điều tra ruộng đất trên quy mô lớn, nhưng do những biến động của tình hình chính trị bấy giờ nên công việc này chỉ được thực hiện ở Kinai [5, Tr. 41]. Đến lượt mình, Toyotomi Hideyoshi là người đặc biệt quan tâm đến các vấn đề quản lý đất đai và phát triển nông nghiệp. Sau khi thống nhất đất nước, Ieyasu trên cơ sở những chính sách này, tiếp tục hoàn thiện và áp dụng trong thực

Liên hệ: tamklsdhkh@gmail.com

Nhận bài: 05-05-2017; Hoàn thành phản biện: 20-06-2017; Ngày nhận đăng: 30-06-2017

tiền nông thôn Nhật Bản. Điều này góp phần tạo ra những chuyển biến hết sức căn bản trong các ngành kinh tế như nông nghiệp, công thương nghiệp...

Dưới thời Toyotomi Hideyoshi, với mong muốn định ra chế độ thuế khóa, tô tức thỏa đáng trên cơ sở nắm được quy mô và sản lượng đất canh tác trong mỗi lãnh địa, ông đã cho ban hành chính sách kiểm địa "kenchi" trong thời kỳ 1582–1589. Chính sách này không chỉ nhằm mục đích đánh giá tổng diện tích đất nông nghiệp mà còn xác định rõ từng loại đất, thống nhất cách phân định chất lượng từng loại ruộng cũng như xác định chủ sở hữu trên mỗi diện tích từ đó ấn định mức tô thuế dựa trên ruộng đất với các mục tiêu cụ thể:

– Đo đạc lại đất đai, xác định chủ sở hữu của từng thửa ruộng một cách rõ ràng.

– Định mức các loại ruộng tốt, ruộng xấu theo chất đất và khả năng tưới tiêu (ruộng tốt – thượng điền, ruộng tốt vừa – trung điền, ruộng xấu – hạ điền, ruộng rất xấu – hạ hạ điền). Loại tốt nhất sản lượng 1,5 koku (1 koku = 180 kg), loại hai sản lượng là 1,3 koku, loại ba là 1,1 koku. Ruộng nước và ruộng khô được xếp loại như nhau theo sản lượng, tùy theo từng địa phương.

– Tính sức sản xuất trên từng loại ruộng, theo đó mỗi tan đất sẽ bằng 300 bu¹.

– Quy định mức thuế (Kokudaka) theo đơn vị làng xã chứ không theo cá nhân.

Điều quan trọng nhất của chính sách kiểm soát đất đai (Taiko Kenchi) của Hideyoshi là đã có sự thống nhất các đơn vị đo lường: diện tích, dung tích và khối lượng... được gọi là doryoko (độ lượng hành). Những đơn vị này, trước đó được quy định riêng trong từng lãnh địa và không thống nhất. Việc thống nhất này là phù hợp với công cuộc kiểm soát đất đai trên toàn quốc.

Đơn vị đo diện tích đất được chia theo cấp bậc từ trên xuống: cho (đỉnh), tan (đoạn), se (mẫu), bu (bộ). Một bộ được tính là khoảnh đất vuông gồm 6 shaku và 3 sun; 30 bộ thì thành 1 mẫu; 10 mẫu thì thành 1 đoạn; 10 đoạn thì thành 1 đỉnh.

Về đơn vị đo lường dành cho gạo, thì trước đó các lãnh địa tính theo masu (thăng, thùng) và không thống nhất, cách tính tùy vào mỗi nơi. Hideyoshi lấy masu của vùng Kyoto và gọi là kyomasu (Kinh thăng) làm đơn vị thống nhất trong cả nước. Về dung tích, ông lấy đơn vị quy chuẩn là go (hộp – tương đương 180 ml); 10 go hộp thành 1 sho (tức masu); 10 sho hộp thành 1 to (đấu) và 10 đấu thành 1 koku (thạch, hộc; 1 koku = 180 kg).

Sau khi thống nhất "độ lượng hành" trên toàn quốc, chính quyền Hideyoshi có thể tính được năng suất cho mỗi tan (khoảng 991,7 m²) đất bằng 300 bu (thay cho trước đó là 360 bu).

¹ Bu là một đơn vị đo diện tích đất theo cấp bậc từ trên xuống bao gồm: cho (đỉnh), tan (đoạn), se (mẫu), bu (bộ). Cứ 30 bộ thì thành 1 mẫu; 10 mẫu thì thành 1 đoạn; 10 đoạn thì thành 1 đỉnh.

Dựa trên cơ sở đó, nương rẫy (và cả đất xây dựng) đều được quy ra thóc gạo để tính sức sản xuất nông nghiệp (Kokumori); ví dụ, 1 tan ruộng tốt thì thu 1 thạch 5 đấu thóc; 1 tan ruộng tốt vừa thì thu 1 thạch 3 đấu thóc. Lấy thóc làm tiêu chuẩn, nhưng sức sản xuất đó sẽ được chia theo từng loại đất. Từ cách tính sức sản xuất nông nghiệp sẽ quy ra cơ sở các loại thuế được ghi rõ trong “Kiểm địa điều mục” (1591). Chính sách kiểm địa vô cùng có ý nghĩa đối với nông nghiệp nông thôn Nhật Bản lúc bấy giờ, là nền tảng cho chính sách ruộng đất thời kỳ Tokugawa sau này.

Thứ nhất, nó đã hạn chế quyền lực của các trang viên trong việc phân phối và kiểm soát đất đai, bước đầu xóa bỏ những tàn dư của chế độ trang viên, giúp chính quyền nắm được chính xác diện tích lãnh địa của các daimyo.

Thứ hai, nó ghi nhận trên pháp lý quyền sở hữu đất canh tác và đất cư trú của người nông dân vì tên tuổi và cách tính toán ruộng đất đều dựa trên kenchicho – sổ sách của các địa phương (tương đương sổ hộ khẩu) do Nhà nước kiểm soát.

Thứ ba, nó buộc người nông dân phải thực thi đúng nghĩa vụ tô thuế đã được quy định rõ ràng cho từng loại đất. Qua chính sách này, các chỉ số quan trọng về diện tích, sản lượng cụ thể sẽ tạo cơ sở cho việc đánh thuế được công bằng, chính xác hơn. Từ đó, khuyến khích người nông dân trong canh tác để đạt hiệu quả cao hơn ngoài việc phải nộp mức thuế quy định.

Việc kiểm soát đất đai còn đề cập đến việc chia cắt và ban phát các phần đất đặc biệt phong tặng cho những người có công với Nhà nước (tri hành quốc). Các lãnh chúa tùy theo diện tích và sức sản xuất của địa phương mà phụng sự việc binh (binh dịch) cho chính quyền trung ương.

Cùng với chính sách này, nhằm ngăn chặn những cuộc nổi dậy chống lại lãnh chúa lệnh Kanatagari (săn lùng đao kiếm) cũng được thực hiện nhằm thu hồi các loại vũ khí trong nông dân (binh nông phân ly). Để kiểm soát chặt chẽ khoảng cách giữa các giai cấp trong xã hội, lệnh ngăn cấm chuyển đổi giai cấp cũng được thực hiện [6, Tr. 252–254].

Nhà nước quản lý gián tiếp đất đai, còn các daimyo là chủ sở hữu ruộng đất, lãnh chúa sẽ thực hiện việc ban cấp ruộng đất, và ruộng đất ấy chủ yếu được giao cho nông dân, tá điền lĩnh canh và nộp các khoản tô thuế, lao dịch theo quy định cho lãnh chúa. Cũng có một số người nhận đất từ lãnh chúa và tự mình canh tác chứ không phát canh thu tô, nhưng số này không phổ biến. Có thể thấy cho đến trước thời kỳ Tokugawa, ruộng đất và nông nghiệp Nhật Bản vẫn thuần túy là quan hệ sản xuất phong kiến. Người nông dân vẫn bị trói buộc vào ruộng đất của lãnh chúa với sưu cao, thuế nặng và gần như không có quyền sở hữu đối với đất đai. Sản lượng lương thực làm ra đôi khi chỉ đủ (hoặc không đủ) để nộp tô thuế. Vì vậy, cả lãnh chúa và nông dân đều rất quan tâm đến vấn đề khai hoang, mở rộng diện tích đất trồng trọt; bên cạnh

đó, phân bón và việc lai tạo giống cây trồng để cho năng suất lao động cao cũng được chú trọng [7].

Mục đích chính của cuộc tổng điều tra được Hideyoshi đưa ra là mong muốn đưa đến cho người cày cấy thực sự có quyền sở hữu ruộng đất mà họ đang canh tác và họ phải có nghĩa vụ đóng thuế sản phẩm cho Nhà nước. Qua đó, nhằm thiết lập một chế độ sở hữu ruộng đất và chế độ thuế sản lượng thống nhất trong cả nước, một cách có hiệu lực. Tuy nhiên, việc tổng điều tra ruộng đất không đạt được kết quả như mong muốn bởi thời điểm bấy giờ chiến tranh vẫn đang tiếp diễn; nhiều nơi chững lại công việc này hoặc báo cáo gian dối, không nộp bản khai, v.v...

Mặc dù chế độ sở hữu đất đai mới có những quy định nghiêm khắc và phục vụ cho lợi ích của chính quyền nhưng cũng đưa đến cho dân cày nhiều thuận lợi. Thứ nhất, kể từ đây, họ chỉ có một người chủ duy nhất là Nhà nước; cho nên, dù không phải là người hoàn toàn sở hữu nhưng là người nông dân được là người chủ sử dụng đất đai. Thứ hai, họ không gặp những phiền nhiễu như trước kia và biết rõ số thuế mà mình sẽ phải nộp bao nhiêu; họ phải tuân thủ theo luật pháp của Nhà nước chứ không phải của địa phương như một số thời kỳ trước đó. Trong một số thời điểm nhất định, Nhà nước còn có quy định số thuế phải nộp có tỷ lệ tương ứng với tổng sản lượng thu hoạch được. Theo chi dụ năm 1586 thì “khoảng 2/3 dành cho Thiên hoàng và một phần cho dân”, những năm được mùa thì “bốn phần dành cho Thiên hoàng còn sáu phần dành cho dân”. Thứ ba, ngoài thuế suất chính, không còn khoản phụ nào khác nên nếu thực hiện được như vậy, đời sống người dân không gặp nhiều khó khăn.

Tuy nhiên, trên thực tế, sau cuộc tổng điều tra ruộng đất của chính quyền đã xác lập chế độ ruộng đất mà trong đó người nông dân không có đặc quyền nào khác là sự bảo đảm về ruộng đất. Chế độ ruộng đất như vậy đã trói buộc nông dân với mảnh đất của họ đồng thời cũng là cơ sở để điều động nhân lực thực hiện lao động công ích. Các sắc lệnh chỉ rõ, nông dân không được bỏ ruộng đất đi làm thuê, chủ đất không được che chở cho những kẻ đi lang thang hoặc những người không canh tác. Thậm chí, bất kỳ cá nhân hay hộ gia đình nào tự ý bỏ ruộng đất đi làm thuê hoặc đi buôn thì cả làng sẽ bị trừng phạt.

Như vậy, chính sách hà khắc của chính quyền là nhằm tách nông dân ra khỏi các giai tầng khác, trói chặt nông dân với ruộng đất, nhằm triệt tiêu các loại hình sản xuất phi nông nghiệp trong nông thôn. Qua đó cũng xóa bỏ những biểu hiện của chế độ trang viên vì xác định lại vị trí của nông dân thời kỳ này là người sở hữu ruộng đất và nộp thuế. Chính sách như vậy không nhằm tịch thu ruộng đất của chủ đất lớn mà chỉ muốn phân biệt rõ phần đất của chủ được hưởng, phần đất nào người canh tác được tiến hành và tự đóng thuế.

Thêm vào đó, chính sách tổng điều tra ruộng đất đã đụng chạm đến quyền lợi của các samurai; họ cảm thấy bị mất đất quá nhiều thậm chí có người mất hết đất đai phải đi lang thang, làm thuê cho chủ đất khác hoặc chuyển qua kiếm sống bằng con đường khác. Bên cạnh

đó, tầng lớp nông dân đang làm ăn phát đạt cũng bất bình vì ruộng đất của họ bị thu hẹp và chịu thuế má khá nặng nề... Chế độ ruộng đất với các chính sách không chỉ nhằm tách samurai ra khỏi ruộng đất mà còn nắm được tình hình từng nông dân và buộc họ gắn với ruộng đất. Trong quá trình đó, tầng lớp tá điền được quyền độc lập vì họ không bị đuổi ra khỏi mảnh đất đứng tên của mình. Thế nhưng trên thực tế, sự tự do của họ cũng chỉ có trên danh nghĩa vì mảnh đất họ được chia thường nhỏ bé, cày cấy cũng không đủ sống. Điều đó buộc nhiều tá điền phải làm thuê cho những chủ đất có nhiều ruộng và con cái họ cũng đi làm thuê cho các nhà giàu. Những địa chủ lớn thường là những gia đình dòng dõi quý tộc nông thôn, nhưng số lượng không nhiều nên ruộng đất chủ yếu nằm trong tay các chủ đất loại nhỏ và trung bình là hiện tượng phổ biến thời kỳ này. Sau khi Hideyoshi mất, con trai của Hideyoshi được Tokugawa Ieyasu là người có thế lực nhất phò tá, nhưng thực chất chính quyền nằm trong tay ông. Sau chiến thắng quyết định trong trận Sekigara vào năm 1600, Ieyasu tự xưng là Tướng quân, thiết lập chính quyền Mạc Phủ Tokugawa: thời kỳ cuối cùng và phát triển nhất của chế độ phong kiến Nhật Bản với gần 300 năm lịch sử.

2. Những điểm mới trong chính sách ruộng đất thời Tokugawa (1600–1868)

Nhà Tokugawa đã tiếp thu, kế thừa và thực hiện hầu hết các chính sách về nông nghiệp của Toyotomi Hideyoshi. Cùng với đó, khi Ieyasu lên cầm quyền, ông yêu cầu các lãnh chúa phải soạn “quốc hội đồ” (địa đồ của tiểu quốc) và “huong trương” (sổ sách làng xã) để nắm được sức sản xuất của từng tiểu quốc, làm cơ sở thu thuế. Các loại sổ sách này được lập vào các năm 1596–1615, 1645–1648, 1688–1704, 1831–1845. Về lý thuyết thì các cuộc điều tra ruộng đất cứ 10 năm lại được tiến hành một lần nhưng trên thực tế việc này không làm đến nơi đến chốn. Nhiều diện tích đất trông trọt mới được khai hoang nhưng thoát khỏi sự kiểm tra của các quan chức nhất là khi họ tham nhũng, nhận hối lộ, chèn ép công việc [8].

Ở các nước phương đông, nông nghiệp được xem là một bộ phận sản xuất cơ bản của các xã hội tiền cận đại. Đa số tầng lớp bị trị ở Nhật Bản là nông dân (hyakusho – bách tính, trăm họ). Do đó, cả Mạc Phủ và lãnh chúa đều đặt trọng tâm đường lối chính trị là việc chấn hưng nông nghiệp và cai trị nông dân. Đất đai của chính quyền Mạc Phủ do các quan chức nắm giữ được gọi là Gundai hoặc Daikan cai quản. Gundai cai quản những vùng đất khoảng 10.000 koku trở lên còn Daikan cai quản vùng đất đất từ 8.000 koku đến 10.000 koku. Những người được bổ nhiệm các chức này thường là người am hiểu sâu sắc tình hình địa phương và không nhất thiết phải thuộc tầng lớp samurai [8].

Về chính sách cai trị, một mặt, họ coi nông dân là “căn bản của thiên hạ” nhưng không nên để họ “dur dả” cũng không nên để họ “thiếu thốn”, “đừng để họ sống cũng đừng để họ chết”, coi nông dân như một thứ đầu mề, càng vắt càng ra nước... Các tư tưởng này, cho thấy rõ chính sách bóc lột và kìm hãm nông dân của Mạc Phủ. Mặt khác, họ coi nông dân là cơ sở

của chế độ, phải làm sao cho nông dân có cuộc sống ổn định, dù mất mùa cũng không lo đói kém. Hơn nữa, nếu nông thôn ổn định sẽ đảm bảo các nguồn thu nhập cho Nhà nước. Để tăng cường các nguồn thu, chính quyền rất coi trọng các ưu tiên phát triển nông nghiệp bằng cách đưa ra các biện pháp cụ thể để khai khẩn thêm đất hoang, cải tiến nông cụ và phân bón, trồng trọt các loại cây có giá trị kinh tế cao [6, Tr. 310].

Coi nông nghiệp là trung tâm của hoạt động kinh tế, Mạc phủ Tokugawa rất chú trọng việc đảm bảo diện tích đất đã có và gia tăng diện tích đất canh tác là điều tối quan trọng. Tiêu biểu cho đường lối này là chính sách “quy nông” nhằm hạn chế việc nông dân rời bỏ ruộng vườn đi đến các vùng khác kiếm sống. Với mục đích khôi phục lại các vùng đất bỏ hoang thì những ai từ nông thôn lên Kyoto và các thành phố làm ăn nếu không có “chính nghiệp” cụ thể thì sẽ được chính phủ cấp tiền và khuyến khích trở về làng cũ sinh sống. Từ năm 1790 đến 1794, Sadanobu (một lãnh chúa vùng Shirakawa) đã thực hiện chương trình cứu 1 vạn thạch thóc thì sẽ giữ lại 50 thạch phục vụ cho công tác cứu trợ [6, Tr. 345] nhằm giúp những nông dân ổn định đời sống và chuyên tâm sản xuất...

Đến những thập kỷ đầu của thế kỷ XVII, chính quyền gặp khủng hoảng về tài chính nên đưa ra chủ trương mở rộng diện tích canh tác. Một sắc lệnh khuyến khích các chủ điền trang tìm mọi cách khai khẩn các vùng đất mới để trồng trọt và chỉ thu 1/10 số thuế nông nghiệp đối với đất vỡ hoang để kích thích sản xuất [8]. Khai hoang trở thành biện pháp được quan tâm xuyên suốt thời Tokugawa, điển hình là chính quyền Bakufu của Yoshimune – vị nguyên soái thứ 8 đã phê chuẩn chính sách khai hoang vùng Shimosa năm 1722, khai hoang vùng châu thổ sông Tamagawa năm 1723, đến năm 1737 tiếp tục khai hoang châu thổ sông Arakawa [4, Tr. 255]. Nhiều làng hình thành do nông dân đến khai hoang vùng đất mới được khuyến khích từ chính sách khai hoang của chính quyền và các lãnh chúa. Chính quyền phong kiến ở làng giải quyết mọi việc và quản lý cả ruộng đất. Tên chủ ruộng đất được ghi trong sổ điều tra và chỉ những chủ sử dụng ruộng đất mới có quyền được cấp đất và nước cùng với việc tham gia các cuộc họp làng [8].

Trong giai đoạn đầu, chính sách khai hoang ruộng đất được gọi là Doho kaihatsu shinden (thổ hào khai thác tân điền) do các nông dân có quyền thế ở địa phương xin phép khai khẩn. Và vùng đất mới khai khẩn đó sẽ được đặt tên theo tên người khai khẩn. Hình thức khai khẩn thứ hai là Daikan Mitate shinden (đại quan kiến lập tân điền). Có những Daikan là người xuống địa phương thu thuế và nhận thêm trọng trách khai khẩn do chính quyền Mạc Phủ giao phó. Sau khi khai khẩn xong, Nhà nước sẽ trích 1/10 tiền thuế để ban thưởng cho các Daikan có công khai khẩn.

Đến giữa thời Tokugawa, lối khai khẩn nhiều nhất là Murauke shinden (thôn thình tân điền) do các thôn xã đứng ra xin phép khai khẩn và Chonin ukeoi shinden (đình nhân thình phụ tân điền) là loại đất đai được khai thác nhờ sự hỗ trợ vốn của người thành phố do đến giai

đoạn này công cuộc khai hoang đất đai ngày càng tốn kém về mặt tiền của nên cần có sự đòi hỏi mới thực hiện được. Bên cạnh đó, nhà chúa cũng tham gia vào việc khai khẩn đất đai, ví dụ Tử Vân tự tả tân điền có khả năng khai hoang những vùng đất có thể sản xuất tới 1 vạn 7 ngàn thạch thóc (1 thạch = 180 L)... Nhờ chính sách khai khẩn này, những vùng đất bỏ hoang trước kia chỉ dùng lấy củi, làm phân đã được khơi dòng, tưới tiêu phục vụ cho trồng trọt. Nhiều con đê chống lũ đã được xây dựng, ví dụ đê Shingen... Nhờ vậy, thời kỳ này, nhiều vùng đồng bằng ven biển đã trở thành những khu canh tác lớn. Vào đầu thời Tokugawa, mới có 164 vạn hecta (ha) đất canh tác nhưng đến giữa thế kỷ XVIII, con số này đã lên đến 297 vạn ha.

Với chủ trương miễn giảm thuế hoặc chỉ phải chịu một khoản thuế nhỏ đối với các vùng đất mới khai phá trong thời gian đầu. Trong những năm tiếp theo, tuy chủ đất vẫn phải nộp thuế nhưng mức thuế vẫn thấp hơn nhiều so với các vùng đất cũ, mặc dù thu nhập thực tế ở những vùng đất mới đôi chỗ có thể cao hơn. Điều này đã tạo nên hứng thú của cả chính quyền địa phương và nông dân trong việc mở mang diện tích đất canh tác. Nhưng từ thế kỷ XVIII trở đi, việc khai khẩn đất hoang trở nên khó khăn hơn, đòi hỏi chi phí tốn kém hơn nên các lãnh chúa và nông dân không đủ khả năng để khai phá thêm đất mới mà phải có sự tài trợ của các thương gia giàu có. Ví dụ như, kinh phí cho việc khai hoang một phần Vịnh Edo được cung cấp bởi thương nhân Yoshida Kambei (1611–1686) hay công trình cải tạo lòng sông Tonegawa sau trận núi lửa năm 1783 được sự góp vốn của một số triệu phú ở Edo và Osaka [4, Tr. 298].

Chính sách khai hoang ruộng đất là một trong những động lực quan trọng góp phần làm tăng năng suất, thu nhập trong nông nghiệp ở nông thôn suốt thời kỳ Tokugawa. Đồng thời, công cuộc khẩn hoang ruộng đất được đánh giá là giúp Mạc Phủ chấn chỉnh tài chính sau công cuộc cải cách chính trị và kinh tế (1716–1736). Song nó làm nảy sinh nhiều hiện tượng mới trong nông nghiệp. Thứ nhất nó sản sinh ra lớp thương nhân kiêm chủ ruộng ở nông thôn. Thứ hai, việc khai khẩn mở rộng, ồ ạt, phần nào đã tạo nên những biến động trong hoạt động canh tác của dân chúng ở nông thôn. Như đã trình bày ở trên những vùng đất được khai khẩn, trước đó vốn là nơi lấy củi, ủ phân của nông dân, thì nay không còn nữa mà thành sở hữu của người khác. Điều này gây nên bất bình của một số nông dân bấy giờ. Có thêm đất mới, đồng nghĩa với việc người nông dân phải canh tác thêm, bên cạnh số ruộng đất canh tác đã có trước đó. Kiểm địa quy định, ruộng đất khai hoang được miễn tô thuế từ 3 đến 5 năm, là khoảng thời gian mới bắt đầu canh tác, chưa có thu hoạch hoa màu. Mặc dù có chính sách ưu đãi của Nhà nước nhưng trong giai đoạn đầu (1603–1652) có rất ít người dân khai khẩn vì họ cho rằng, thay vì khai khẩn chỉ cần nâng cao năng suất trên những thửa ruộng hiện có. Khi thấy được nhiều lợi ích từ việc khai hoang, nhiều người mới bắt đầu tham gia vào công cuộc này, trong đó có cả các thương nhân từ phố thị, là đối tượng chính trong công cuộc khẩn đất hoang giai đoạn cuối thời Tokugawa. Thứ ba, bên cạnh các chính sách ngăn chặn quyền lực của lãnh chúa về chính trị, thì chính sách này đã hạn chế sức mạnh về kinh tế và quân sự của các lãnh địa. Trang viên và các daimyo sẽ nằm trong tầm kiểm soát của chính quyền Mạc Phủ. Với các chính sách của mình,

Nhà nước dần dần trở thành người sở hữu tối cao về ruộng đất trên toàn lãnh thổ Nhật Bản. Rút kinh nghiệm từ thất bại của chính sách “ban điền” trong thời kỳ Heian, việc rà soát ruộng đất, một mặt giúp chính quyền kiểm soát được các phần đất mới được khẩn hoang; mặt khác, ngăn ngừa tình trạng lợi dụng sự nhập nhằng giữa đất khai hoang với đất ban cấp để trốn thuế, trốn nghĩa vụ binh dịch. Ở khía cạnh nào đó, “kiểm địa” đã đánh vào thế lực của các trang viên – vẫn là chỗ dựa, là rường cột của chính quyền phong kiến nhưng ít nhiều đã được “hạn chế” với các khả năng chống đối, tranh hùng xung bá như đã từng xảy ra trong thời Chiến Quốc.

Như vậy, chế độ ruộng đất ở thế kỷ XVII đã góp phần dẫn đến sự phân hóa giai cấp rõ ràng ở các làng xã dù khác nhau ở từng nơi. Năm 1643, việc cầm cố, thế chấp đất canh tác bị cấm nhằm ngăn nông dân nhượng lại quyền sử dụng đất đai rồi di cư ra tỉnh, qua đó ngăn cản việc hình thành chủ sử dụng đất mới. Một đạo luật năm 1673 cấm việc chia nhỏ ruộng đất vì như thế đất đai trở nên manh mún sẽ gây rối loạn trong quản lý [8].

Nhà nước quản lý gián tiếp đất đai, còn các daimyo là chủ sở hữu ruộng đất, lãnh chúa sẽ thực hiện việc ban cấp ruộng đất, và ruộng đất ấy chủ yếu được giao cho nông dân, tá điền lĩnh canh và nộp các khoản tô thuế, lao dịch theo quy định cho lãnh chúa. Cũng có một số người nhận đất từ lãnh chúa và tự mình canh tác chứ không phát canh thu tô, nhưng số này không phổ biến. Như vậy, có thể thấy cho đến cuối thời kỳ Tokugawa, ruộng đất và nông nghiệp Nhật Bản vẫn thuần túy là quan hệ sản xuất phong kiến. Người nông dân vẫn bị trói buộc vào ruộng đất của lãnh chúa với sưu cao, thuế nặng và gần như không có quyền sở hữu đối với đất đai. Sản lượng lương thực làm ra đôi khi chỉ đủ (hoặc không đủ) để nộp tô thuế. Vì vậy, cả lãnh chúa và nông dân đều rất quan tâm đến vấn đề khai hoang, mở rộng diện tích đất trồng trọt; bên cạnh đó, phân bón và việc lai tạo giống cây trồng để cho năng suất lao động cao cũng được chú trọng [7].

3. Đánh giá tác động của chính sách ruộng đất thời Tokugawa

Do đẩy mạnh các chính sách hạn chế đất bỏ hoang và khai khẩn mà diện tích đất trồng trọt không ngừng được mở rộng. Nhiều diện tích trước đây là đầm lầy hoặc khô cằn nay được cải tạo thành đất canh tác. Nếu so sánh vào đầu thế kỷ thứ X, diện tích đất canh tác mới chỉ đạt 860.000 ha, đến giữa thế kỷ XV là 950.000 ha, năm 1600 vượt lên khoảng 1.640.000 ha thì đến năm 1720 đã tăng lên 2.970.000 ha và đến năm 1874 đạt trên 3.050.000 ha. Cùng với việc mở rộng về diện tích, sản lượng lương thực của Nhật Bản đã tăng lên rõ rệt. Nếu như năm 1600, tổng sản lượng lương thực mới đạt 19,7 triệu koku thì đến cuối thời Tokugawa đã vượt lên 48,6 triệu koku. “Trong vòng 270 năm tính từ năm 1600 đến năm 1870, sản lượng lương thực Nhật Bản đã tăng 137%. Trong suốt thời kì Tokugawa, sự tăng trưởng này nhìn chung cao hơn giai đoạn đầu cải cách Minh Trị” [3, Tr. 511].

Như vậy, đất nông nghiệp của Nhật Bản đã tăng lên chủ yếu trong khoảng thời gian đầu thời kỳ Tokugawa. Trong giai đoạn 1600–1874, diện tích đất canh tác đã được mở rộng tới 1.410.000 ha. Trong đó, chỉ tính riêng 120 năm đầu của thời kỳ Tokugawa, diện tích đất mới khai phá đã tăng 1.330.000 ha (chiếm 94%), nhưng trong 150 năm tiếp theo chỉ tăng thêm 80.000 ha (chiếm 6%) [2, Tr. 206]. Chính sách khai hoang thực sự phát huy hiệu quả trong giai đoạn đầu, càng về sau càng giảm do những vùng đất dễ khai phá đã được tiến hành, đến giai đoạn cuối chỉ còn những vùng đất khó khai phá, xa xôi, đòi hỏi kinh phí lớn...

Tuy nhiên, trong các giai đoạn sau nhờ tiếp tục mở rộng diện tích đất trồng trọt, kết hợp với cải tiến kỹ thuật, phân bón nên sản lượng làm ra ngày một cao hơn; do vậy, ngoài nghĩa vụ nộp thuế cống², người nông dân đã có bước đầu có gạo dư. Mặt khác, với sự phát triển của thương nghiệp, các thành phố được mở rộng làm cho xã hội Nhật Bản dần biến thành một nền kinh tế thị trường và đã ảnh hưởng sâu sắc đến nông thôn. Người nông dân đã đem số gạo dư có được bán cho người thành phố và đã có trong tay những đồng tiền đầu tiên. Tính khép kín của xã hội phong kiến dần dần bị phá vỡ, trao đổi hàng hóa xuất hiện và lối sống của người nông dân theo đó cũng bị lôi cuốn vào guồng quay của xã hội tiêu thụ.

Diện tích đất canh tác mở rộng cộng với những tiến bộ trong nông nghiệp và sự phát triển của nhiều ngành kinh tế đã gián tiếp làm dân số Nhật Bản tăng từ 18 triệu người năm 1590 lên tới 25 triệu người vào năm 1804 và đến cuối thế kỷ XVIII đã đạt gần 30 triệu người, trong đó khoảng 80% dân số là nông dân [2, Tr. 211]. Con số này cho thấy việc đảm bảo lương thực thời kỳ này được đáp ứng, hạn chế số người chết đói so với các thời kỳ trước.

Cùng với việc thực hiện lệnh “sankin kotai (luân phiên trình diện)” thì việc kiểm soát toàn bộ đất đai trong cả nước, phần nào đã hạn chế quyền hành của các daimyo (lãnh chúa). Một mặt, chính quyền Mạc Phủ tiếp tục xây dựng cơ sở chế độ phong kiến bằng cách dựa vào các lãnh chúa khi cho họ có quyền rất lớn ở lãnh địa như: tổ chức hành chính, tư pháp và quân đội riêng; nhưng mặt khác, các lãnh chúa đều phải phục tùng tướng quân. Ngoài nghĩa vụ với chính quyền, các lãnh chúa được tự do trong lãnh địa của mình miễn là không đụng chạm tới lợi ích của chính quyền mạc phủ, không vi phạm luật pháp nhà nước phong kiến. Dân chúng trong lãnh địa phải chịu sự quản lý trực tiếp của lãnh chúa tức là tuân theo luật lệ và phải đóng các loại thuế khóa do họ đặt ra. Ở cấp thấp hơn, một số người được nhận bổng lộc bằng đất đai từ các lãnh chúa, thường là tầng lớp trên hay giới samurai và họ cũng có quyền riêng tức là kiểm soát những nông dân trên mảnh đất được “phân phong” đó. Đương nhiên, đất ấy vẫn thuộc lãnh chúa nhưng người được cấp đất này được hưởng các thứ thuế hoặc lao dịch của nông dân sống trên mảnh đất đó canh tác. Các lãnh chúa thường định mức thuế và thu thuế trên một mảnh đất rồi cấp đất cho người được cấp. Tỷ lệ đất canh tác dành cho các giai tầng

² Thuế cống ở trong bài viết này được hiểu là thuế nông nghiệp

trong các lãnh địa là không giống nhau. Người được cấp đất trong lãnh địa của lãnh chúa được tự do cai quản đất đai theo ý của họ như quyết định từng loại công nào và định ra mức thuế cho nông dân, quyền thưởng phạt, các loại lao dịch... Tuy nhiên, trên thực tế rất ít người được cấp đất mà tự cày cấy phần đất của mình, đa phần đều phát canh thu tô.

Như vậy, sở hữu ruộng đất ở Nhật Bản thời Tokugawa vẫn thuần túy là sở hữu theo kiểu phong kiến. Nông dân vẫn là người lĩnh canh ruộng đất. Các daimyo vẫn có quyền hạn lớn đối với ruộng đất của mình; bên cạnh đó, chính quyền Mạc Phủ đã từng bước thiết lập được vai trò tối cao của mình trong quản lý đất đai.

Song, cho đến thế kỷ XVIII, quan hệ giữa tá điền và chủ đất không còn như mối quan hệ trong gia đình nữa mà tá điền trở thành người thuê đất của địa chủ để cày cấy. Hiện trạng phổ biến ở các làng là một số ít người giàu nắm ruộng đất, còn lại số đông là nông dân nghèo. Hơn nữa, sự nô dịch bất công, đối địch giàu nghèo tất yếu dẫn tới những cuộc nổi dậy chống lãnh chúa và quan chức tham nhũng, đồng thời bộc lộ những sai lầm trong hệ thống quản lý ruộng đất của chính quyền Mạc Phủ. Đó là chính sách bảo thủ của chính quyền và lãnh chúa địa phương chỉ biết tìm cách bóc lột nông dân bằng chế độ thuế má nặng nề trong khi không mở ra khả năng cho người ta phát huy hết sức mạnh về vấn đề sử dụng đất cũng như khuyến khích các hình thức “kiêm nghiệp” khác. Điều này, kết hợp với nhiều nguyên nhân khác, đã buộc người nông dân tìm cách thoát khỏi tình trạng tòi tệ ở nông thôn bằng biện pháp đổ xô về thành thị để kiếm sống.

Cho đến cuối năm 1843 thì biện pháp cưỡng bức được đưa ra áp dụng để buộc người nông dân phải quay về nơi xuất phát. Nhiều vùng đất rộng lớn bị nông dân bỏ hoang vì đất không sản xuất đủ sản lượng thu hoạch để thỏa mãn cho việc nộp thuế, do thiên tai, mất mùa. Cảnh nghèo khổ đã buộc nông dân phải bán ruộng đất hoặc cầm cố cho chủ nợ từ đó nảy sinh một lớp người có ruộng mà không canh tác và lớp người canh tác ruộng không phải của mình. Điều đó gây ra xung đột quyền lợi giữa người nông dân sử dụng đất với người chủ đất (khác với lãnh chúa phong kiến) và đó là một trong những nguyên nhân gây ra tranh chấp về sử dụng đất kéo dài tới tận thế kỷ XIX. Từ vấn đề này cùng với bệnh dịch và nạn đói đã dẫn tới hiện trạng trong nửa sau chế độ Tokugawa thường xuyên có những cuộc nổi dậy về ruộng đất. Đến thập kỷ cuối, chính quyền Tokugawa phải đối phó với rất nhiều cuộc nổi dậy mạnh mẽ của nông dân chống lại địa chủ. Chẳng hạn, năm 1859 một cuộc nổi dậy ở Shinshu, nông dân từ nhiều làng mạc gương cao khẩu hiệu đòi thi hành luật ruộng đất. Song, nhìn chung những cuộc nổi dậy như vậy thường bị tan rã nhanh chóng vì không có tổ chức chặt chẽ và không được duy trì liên tục. Tuy nhiên, thời gian này thế lực của chính quyền Mạc Phủ đã rất suy yếu đến mức cho đến tháng 7/1866 lực lượng của Tướng quân bị đánh bại ở khắp nơi. Tháng 8/1866, Tướng quân hầu như mất hết thực quyền để rồi cuối năm 1867 một chính quyền lâm thời được thành lập mà không có thành viên nào thuộc dòng họ Tokugawa. Từ năm 1868, Nhật Bản hoàn toàn

thuộc quyền cai trị của Thiên Hoàng, qua đó chấm dứt thể chế xã hội phong kiến cùng với chế độ ruộng đất gắn liền với nó qua nhiều thế kỷ tồn tại [7].

Thời kỳ cuối cùng và phát triển nhất trong lịch sử phong kiến Nhật Bản, Mạc Phủ Tokugawa, các tướng quân đã trở thành lãnh chúa lớn nhất chi phối và quản lý các daimyo những người có quyền hành trực tiếp đối với ruộng đất. Người nông dân canh ruộng đất, canh tác và nộp thuế lại cho lãnh chúa. Cấu trúc quyền lực đối với tư liệu sản xuất quan trọng bậc nhất mọi thời đại, là ruộng đất của chính quyền Tokugawa về cơ bản gần giống với các quốc gia châu Á đương thời khác, nhưng khác biệt chính là sự tồn tại lâu dài và dai dẳng của hệ thống các lãnh địa trên toàn Nhật Bản. Vai trò của chính quyền Mạc phủ trong việc thực thi các chính sách ruộng đất cùng với hệ lụy quá trình phát canh thu tô kém hiệu quả đã dẫn đến các cuộc đấu tranh của nông dân và những biến đổi trong nông thôn Nhật Bản. Sự xuất hiện của các mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa và thắng lợi của công cuộc Minh Trị Duy tân đã đưa đến những thay đổi trong chính sách ruộng đất ở các giai đoạn sau này.

Tài liệu tham khảo

1. John Whitney Hall (2008), *The Cambridge history of Japan, Vol 4: early modern Japan*, Cambridge University Press.
2. Nguyễn Quốc Hùng (2007) (chủ biên), *Lịch sử Nhật Bản*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Kim (2003), *Nhật Bản với Châu Á – Những mối liên hệ lịch sử và những chuyển biến kinh tế xã hội*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
4. George Sansom (1995), *Lịch sử Nhật Bản*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
5. Phạm Thị Trang (2012), *Thời kỳ Tokugawa (1603–1868) và vai trò của nó đối với sự phát triển của lịch sử Nhật Bản*, Luận văn Thạc sĩ Lịch sử, trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Nam Trân (2015), *Giáo trình lịch sử Nhật Bản*, Bản thảo năm 2015.
7. <http://www.duhocnhatban.edu.vn/trang-chu-du-hoc-nhat-ban/76-nhat-ban-do-day/262-nong-nghiep-nhat-ban.html>
8. <http://www.inas.gov.vn/391-che-do-ruong-dat-thoi-phong-kien-o-nhat-ban.html>

JAPAN'S LAND POLICY FROM THE MIDDLE-16th CENTURY TO THE END OF TOKUGAWA PERIOD (1868)

Tran Thi Tam

HU – University of Sciences

Abstract. As many other Asian countries, Japan had long regarded agriculture as a cornerstone of the national economy. However, unlike most countries in the region, Japan had little fertile land, only the coastal zone and narrow valleys between the mountains. Because arable land occupied a small area, in Japanese feudalism, in general, and Tokugawa period, in particular, agriculture was under Daimyo's control. In the process of agricultural economic development, land policy and land ownership had a significant impact on the rural areas of Japan. This article looks into Japan's land policy during Tokugawa Bakufu period and reveals the impacts on the development of Japanese agricultural economy in this time.

Keywords. policy, land, Japanese feudalism, Tokugawa